

Số: 15/2024/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 7 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm e, khoản 1.3, Điều 1, phần II, mục A - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG TMCP NT VIỆT NAM (gọi tắt là V hoặc VCB).**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 TQK, Phường LTT, Quận HK, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đặng Kiên D** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch; Giấy uỷ quyền số: 338/UQ-VCB-PC ngày 02/4/2024 và công văn số: 13269/VCB-PC ngày 26/7/2024 của Ngân Hàng TMCP NT Việt Nam.

Ông Đặng Kiên Đ uỷ quyền lại cho **bà Nguyễn Thị Tuấn A** - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch theo Giấy uỷ quyền số: 279/ SGD.QLNS ngày 09/7/2024; Bà **Lê Thục T**, trưởng phòng giao dịch TC và bà **Ngô Thu H**, phó trưởng phòng giao dịch TC, Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch; Giấy uỷ quyền số: 280/UQ-SGD.QLNS ngày 09/7/2024.

*** Bị đơn:**

1. Bà: **Trần Thị Q**, sinh năm 1956, căn cước công dân số 001156006710 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02/5/2021.

Hộ khẩu thường trú: Số 27 NK, phường VM, quận ĐĐ, thành phố HN.

2. Ông: **Phan Vĩnh K**, sinh năm 1951, chứng minh thư nhân dân số 010035185 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 31/08/2006. Số căn cước công dân số 042051000204 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/5/2021.

Hộ khẩu thường trú: Số 27 NK, phường VM, quận ĐĐ, thành phố HN.

3. Ông: **Trần Thiện C**, sinh năm 1958, chứng minh thư nhân dân số 011020760 do Công an thành phố HN cấp ngày 25/04/2011. Số căn cước công dân số 001058011972 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/5/2021.

Hộ khẩu thường trú: 35 phố HĐ, phường HB, quận HK, thành phố HN.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngân hàng TMCP NT Việt Nam (gọi tắt là ngân hàng V hoặc VCB) do bà Lê Thục T - Trưởng phòng giao dịch TC và bà Ngô Thu H - Phó trưởng phòng giao dịch TC - Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch với bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C cùng tự nguyện thỏa thuận: Ngân hàng TMCP NT Việt Nam và ông Dương Minh D, bà Trịnh Minh T có ký 03 Hợp đồng tín dụng số: 15/KHTN-BDS-MN/1077 ngày 24/11/2015; Hợp đồng tín dụng số 19/P9-BDS-K/151 ngày 20/6/2019; Hợp đồng tín dụng số 20/ P9-BDS-K/67 ngày 20/02/2020 và các giấy nhận nợ kèm theo. Quá trình thực hiện các Hợp đồng giữa các bên không có tranh chấp gì.

Tính đến hết ngày 11/8/2024, đồng bị đơn còn nợ ngân hàng VCB Chi nhánh Sở giao dịch số tiền **20.862.112.139 VND** (*Bằng chữ: hai mươi tỷ, tám trăm sáu hai triệu một trăm mười hai nghìn một trăm ba chín đồng*), cụ thể:

*** Hợp đồng tín dụng số 19/P9-BDS-K/151 ngày 20/6/2019**

+ Nợ gốc: 13.398.772.000VND

+ Nợ lãi cơ cấu: 2.419.000.000 VND

+ Nợ lãi trong hạn chưa trả: 2.282.947.568 VND

*** Hợp đồng tín dụng số 20/ P9-BDS-K/67 ngày 20/02/2020**

+ Nợ gốc: 1.600.000.000 VND

+ Nợ lãi cơ cấu: 461.200.000 VND

+ Nợ lãi trong hạn chưa trả: 394.143.901 VND

*** Hợp đồng tín dụng số 15/KHTN-BDS-MN/1077 ngày 24/11/2015**

+ Nợ gốc: 0 VND

+ Nợ lãi cơ cấu: 190.000.000 VND

+ Nợ lãi trong hạn chưa trả: 116.048.670 VND

2. Ngân hàng TMCP NT Việt Nam (VCB) và bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C cùng thống nhất tự nguyện thỏa thuận về lộ trình trả nợ như sau:

1. Từ 6/8/2024 đến 6/9/2024 trả 500.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ phân bổ thanh toán một phần gốc và một phần lãi cơ cấu theo hợp đồng 15/KHTN-BDS-MN/1077. Số tiền còn lại sẽ trả vào dư nợ gốc, lãi các khoản vay theo 03 hợp đồng kể trên.
2. Hàng tháng bắt đầu từ ngày 5/10/2024 đến tháng 1/2025 thì trả 75.000.000 đồng/tháng phân bổ vào gốc và dư nợ lãi cơ cấu cộng dồn chưa trả của các hợp đồng kể trên.
3. Từ 05/2/2025 đến 10/2/2025, bị đơn trả VCB thêm 1.000.000.000 đồng và cam kết từ ngày 5/3/2025 đến tháng 8/2025 trả 50.000.000 đồng/tháng phân bổ đều vào dư nợ gốc và dư nợ lãi được cơ cấu cộng dồn của hợp đồng do khách hàng và ngân hàng thỏa thuận.
4. Ngày 5/8/2025 bị đơn trả VCB số tiền 900.000.000 đồng vào phân bổ vào dư nợ gốc và dư nợ lãi cơ cấu cộng dồn chưa trả của các hợp đồng số 20/P9-BDS-K/67 và hợp đồng 19/P9-BDS-k/151 (theo thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng).
5. Từ 05/9/2025 đến 05/12/2025 hàng tháng bị đơn sẽ trả 100.000.000 đồng.
6. Từ 01/01/2026 mỗi tháng trả 250 triệu /tháng nợ gốc + lãi cơ cấu và 20 triệu đồng/tháng tiền nợ lãi chưa trả.
7. Từ 01/01/2027 mỗi tháng trả 300 triệu /tháng nợ gốc + lãi cơ cấu và 30 triệu đồng/tháng tiền nợ lãi chưa trả.
8. Từ 01/01/2028 mỗi tháng trả 350 triệu /tháng nợ gốc + lãi cơ cấu và 30 triệu đồng/tháng tiền nợ lãi chưa trả.
9. Năm 2029 trả toàn bộ gốc và toàn bộ lãi phát sinh còn lại.

III. Kể từ ngày 12/8/2024, các ông bà: bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C phải chịu số tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 19/P9-BDS-K/151 ngày 20/6/2019, Hợp đồng tín dụng số 20/ P9-BDS-K/67 ngày 20/02/2020 và các giấy nhận nợ kèm theo đã kí giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

IV. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và khi bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo lộ trình trả nợ trên dẫn đến một tháng trả nợ bị quá hạn thì mặc nhiên coi như các tháng trả nợ còn lại cũng bị quá hạn, các đương sự đồng ý Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 35 phố HĐ, phường HB, quận HK, thành phố HN, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 12/KHTN-TC/0775 ký ngày 24/10/2012, số công chứng 2637.2012/HĐTC tại Văn phòng công chứng TL (nay là Văn phòng công chứng PX) đăng kí giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên môi trường quận HK ngày 25/10/2012 giữa Ngân hàng TMCP NT Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch với bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C; cùng 03 Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Hợp đồng sửa đổi lần 01 ký ngày 03/10/2013, số công chứng 2715.2013/HĐSD.

- Hợp đồng sửa đổi lần 2 ký ngày 09/06/2014, số công chứng 2274.2014/HĐSD.

- Hợp đồng sửa đổi lần 3 ký ngày 20/02/2020, số công chứng 686.2020/HĐSD.

Thông tin tài sản bảo đảm cụ thể như sau:

- + Địa chỉ: Số 35 phố HĐ, phường HB, quận HK, thành phố HN.
- + Thửa đất số: 623; Tờ bản đồ số 14 khu A;
- + Diện tích: 94,5 m²; Bằng chữ: Chín mươi tư phẩy năm mét vuông.
- + Hình thức sử dụng: sử dụng riêng 94,5 m².
- + Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
- + Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

V. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận của các đương sự: bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 64.431.056 đồng. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn

giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Trần Thị Q, ông Phan Vĩnh K, ông Trần Thiện C. Ngân hàng V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 64.874.726đ (*sáu tư triệu tám trăm bảy tư nghìn bảy trăm hai sáu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: BLTU/23/0006361 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận HK, HN.

VI. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

VII. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự*
- *Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm*
- *Chi cục THA quận Hoàn Kiếm*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Đỗ Thị Hồng Hạnh